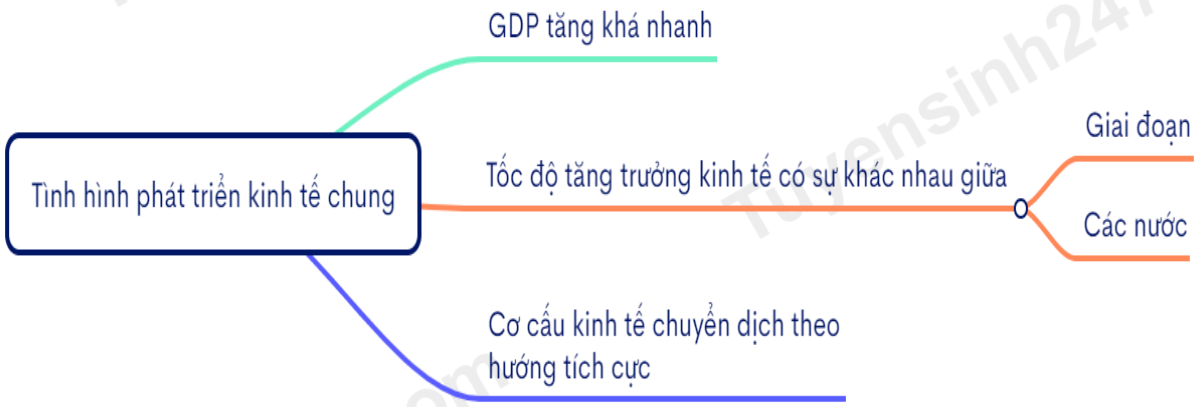
BÀI GIẢNG: KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á
MÔN: ĐỊA LÍ 11
GIÁO VIÊN: VŨ HẢI NAM

MỤC TIÊU

- ✓ *Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển các ngành kinh tế của Đông Nam Á.*
- ✓ *Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.*
- ✓ *Luyện tập làm một số dạng câu hỏi TN THPT, ĐGNL.*

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ CHUNG

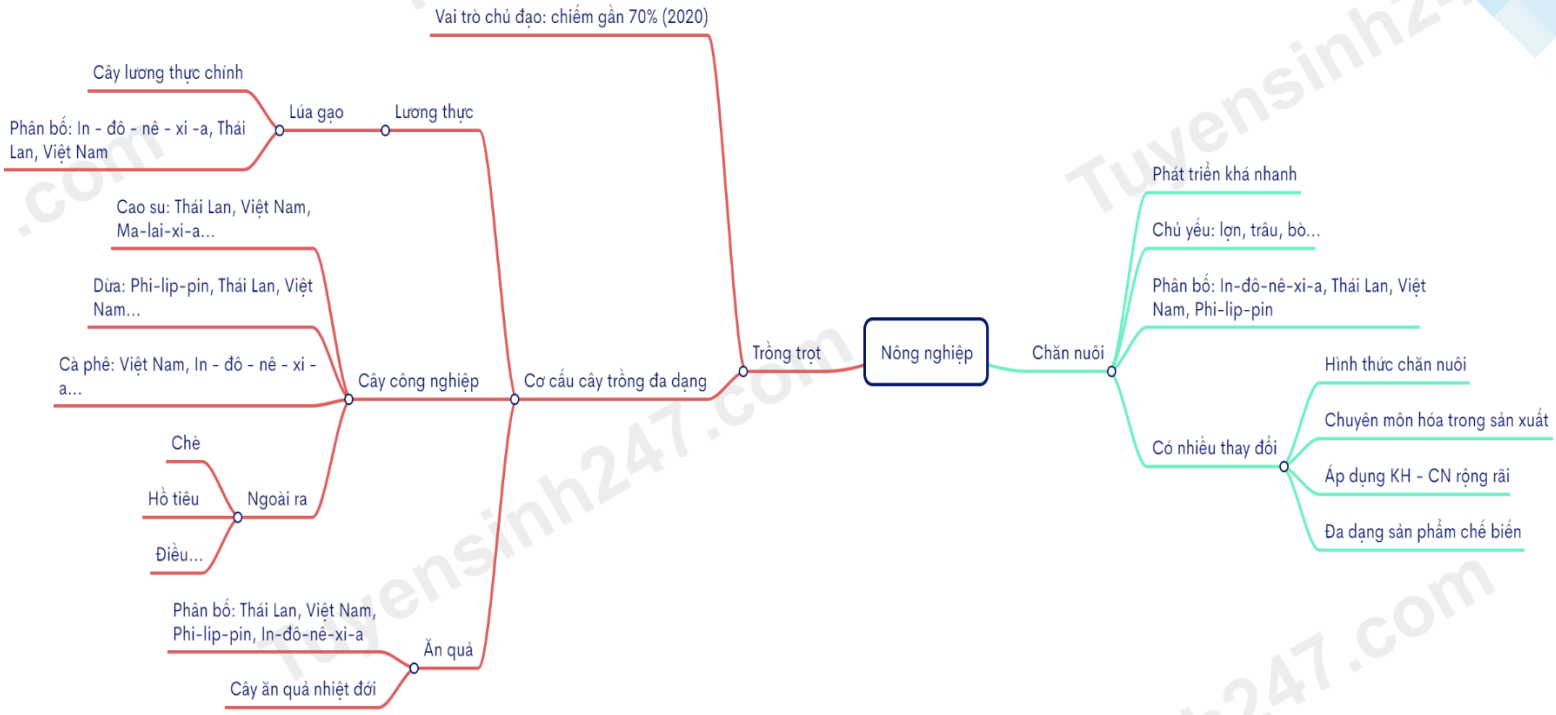


- Nguyên nhân: Các quốc gia tận dụng được các lợi thế về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động cũng như thu hút được các nguồn đầu tư bên ngoài.

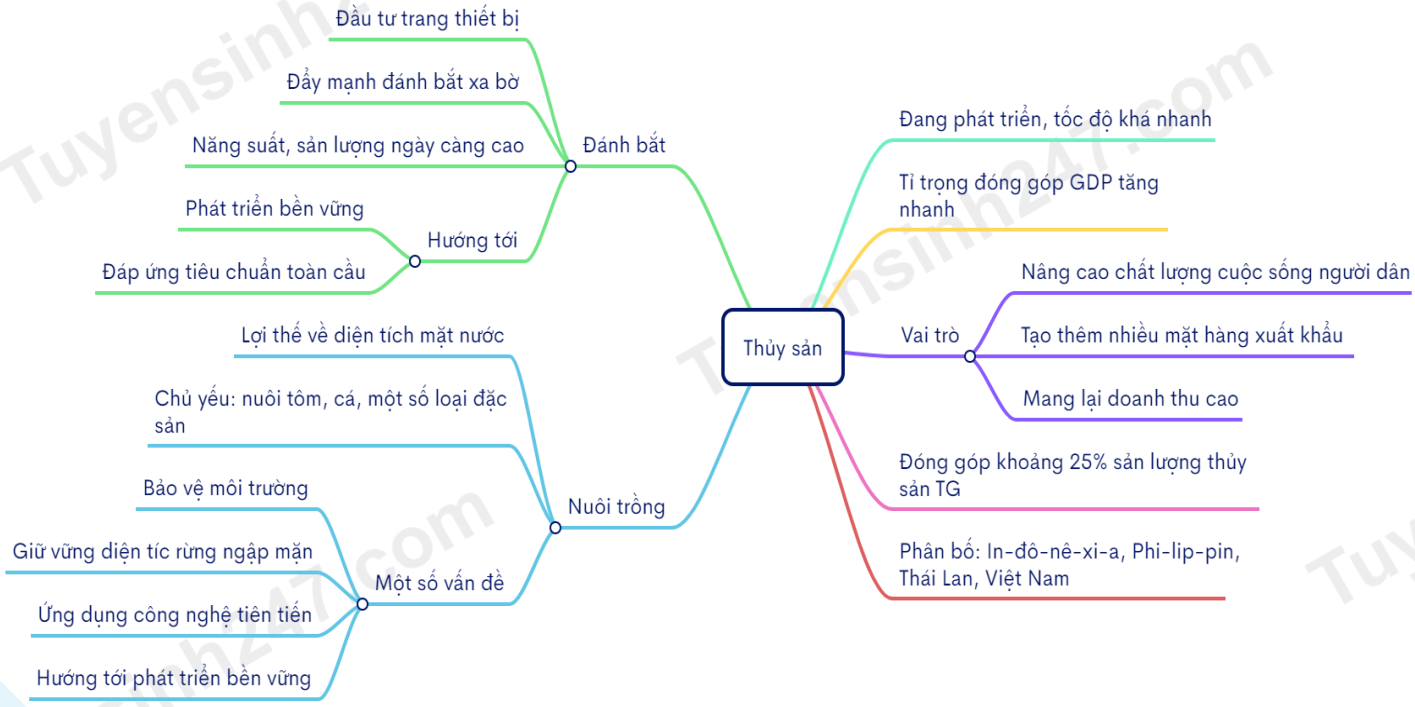
III. CÁC NGÀNH KINH TẾ

1 Nông nghiệp

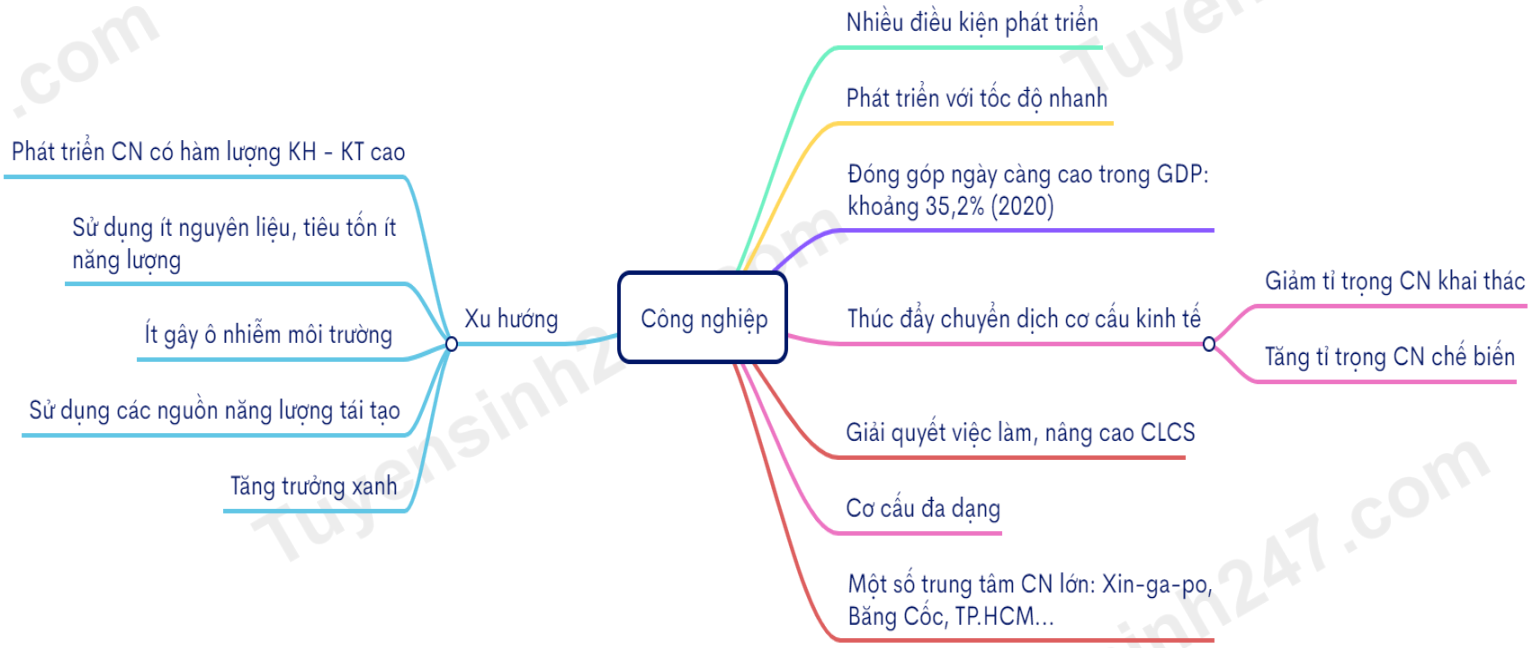
- Điều kiện phát triển: sự đa dạng về các dạng địa hình, khí hậu; đất đai màu mỡ; diện tích mặt nước lớn; nguồn lao động dồi dào, giàu kinh nghiệm sản xuất;...
- Vai trò quan trọng.
- Xu hướng phát triển:
  + Sản xuất hàng hoá với trình độ thâm canh và chuyên môn hoá ngày càng cao.
  + Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến.
  + Hướng đến sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

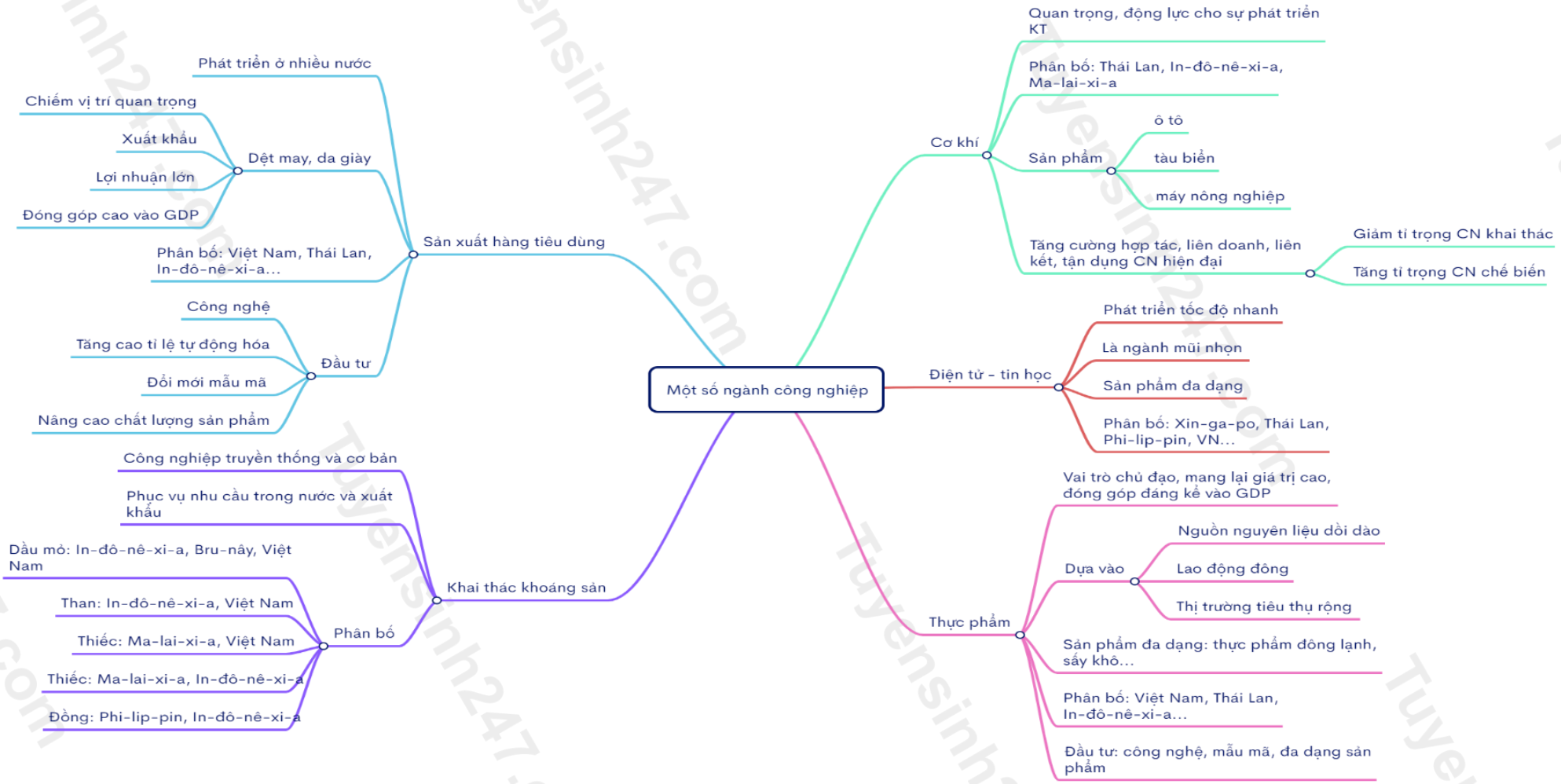

Nông nghiệp
Trồng trọt
Vai trò chủ đạo: chiếm gần 70% (2020)
Cơ cấu cây trồng đa dạng
Lương thực
Lúa gạo
Cây lương thực chính
Phân bố: In - đô - nê - xi -a, Thái Lan, Việt Nam
Cây công nghiệp
Cao su: Thái Lan, Việt Nam, Ma-lai-xi-a...
Dừa: Phi-lip-pin, Thái Lan, Việt Nam...
Cà phê: Việt Nam, In - đô - nê - xi - a...
Ngoài ra
Chè
Hồ tiêu
Điều...
Ăn quả
Phân bố: Thái Lan, Việt Nam, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a
Cây ăn quả nhiệt đới
Chăn nuôi
Phát triển khá nhanh
Chủ yếu: lợn, trâu, bò...
Phân bố: In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Việt Nam, Phi-lip-pin
Có nhiều thay đổi
Hình thức chăn nuôi
Chuyên môn hóa trong sản xuất
Áp dụng KH - CN rộng rãi
Đa dạng sản phẩm chế biến


Lâm nghiệp
Điều kiện tự nhiên thuận lợi
Độ che phủ cao: Lào, Việt Nam, Mi-an-ma...
Sản lượng gỗ tròn: hơn 300 triệu m3
Khai thác không hợp lí -> diện tích rừng giảm
Biện pháp
Tăng diện tích rừng trồng
Bảo vệ rừng
Hạn chế khai thác và xuất khẩu gỗ tròn


Thủy sản
Đang phát triển, tốc độ khá nhanh
Tỉ trọng đóng góp GDP tăng nhanh
Vai trò
Nâng cao chất lượng cuộc sống người dân
Tạo thêm nhiều mặt hàng xuất khẩu
Mang lại doanh thu cao
Đóng góp khoảng 25% sản lượng thủy sản TG
Phân bố: In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Thái Lan, Việt Nam
Đánh bắt
Đầu tư trang thiết bị
Đẩy mạnh đánh bắt xa bờ
Năng suất, sản lượng ngày càng cao
Hướng tới
Phát triển bền vững
Đáp ứng tiêu chuẩn toàn cầu
Nuôi trồng
Lợi thế về diện tích mặt nước
Chủ yếu: nuôi tôm, cá, một số loại đặc sản
Một số vấn đề
Bảo vệ môi trường
Giữ vững diện tíc rừng ngập mặn
Ứng dụng công nghệ tiên tiến
Hướng tới phát triển bền vững

2 Công nghiệp

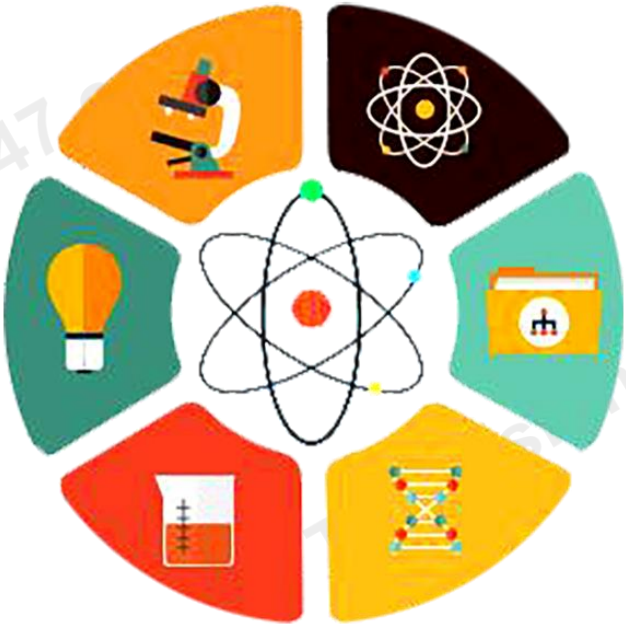


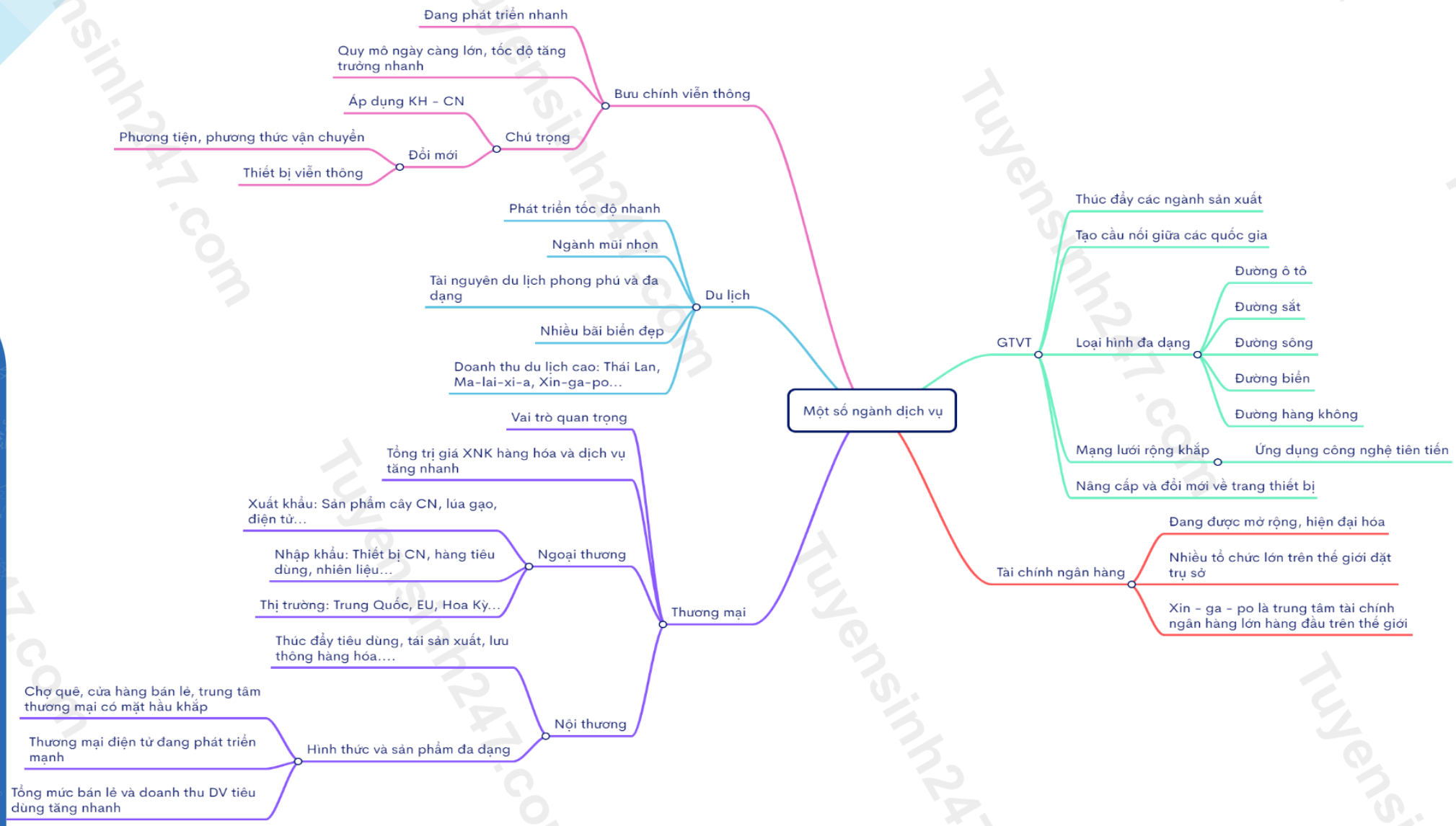


TuyenSinh247.com
Học là thích ngay!
Truy cập trang https://tuyensinh247.com để học Toán – Lí – Hóa – Sinh – Văn – Anh – Sử – Địa – Tin – GDKT&PL tốt nhất!

3 Dịch vụ


Dịch vụ
Vai trò
Thúc đẩy nahnh các hoạt động kinh tế
Nâng cao chất lượng cuộc sống người dân
Bảo vệ môi trường
Tốc độ khá nhanh
Tỉ trọng đóng góp ngày càng cao trong cơ cấu GDP
Cơ cấu ngày càng đa dạng
Nhiều nước
Đầu tư cơ sở hạ tầng
Mở rộng quy mô
Ứng dụng công nghệ tiên tiến
Phân bố: Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan





TuyenSinh247.com
Học là thích ngay!
Truy cập trang https://tuyensinh247.com để học Toán – Lí – Hóa – Sinh – Văn – Anh – Sử – Địa – Tin – GDKT&PL tốt nhất!

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1: Ngành nào sau đây đặc trưng cho nông nghiệp ở khu vực Đông Nam Á?

A. Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.
B. Chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà.
C. Trồng lúa nước.
D. Trồng cây công nghiệp, cây ăn quả.

Câu 2: Cây lương thực được phát triển ở nhiều nơi của Đông Nam Á do nguyên nhân chủ yếu?

A. Đất feralit rộng, nhiều loại màu mỡ, khí hậu cận nhiệt đới và cận xích đạo.
B. Đất phù sa diện tích rộng, màu mỡ, khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.
C. Đất đai đa dạng, nhiều loại màu mỡ, khí hậu cận xích đạo và nhiệt đới.
D. Đất đai có nhiều loại, diện tích rộng, khí hậu cận nhiệt đới và ôn đới.

Câu 3: Các cây cà phê, cao su, hồ tiêu được trồng ở nhiều quốc gia trong khu vực Đông Nam Á là nhờ các điều kiện thuận lợi chính nào sau đây?

A. Đất trồng phong phú, địa hình khá bằng phẳng.
B. Khí hậu nóng ẩm, đất badan tơi xốp và màu mỡ.
C. Sông ngòi dày đặc, đất phù sa ngọt diện tích rộng.
D. Địa hình cao nguyên, khí hậu cận xích đạo.

Câu 4: GDP của các nước ở khu vực Đông Nam Á

A. Tăng chậm.
B. Tăng khá nhanh.
C. Không ổn định.
D. Giảm chậm.

Câu 5: Hai quốc gia Đông Nam Á xuất khẩu lúa gạo hàng đầu thế giới là

A. In-đô-nê-xi-a và Lào.
B. Thái Lan và Việt Nam.
C. Thái Lan và Cam-pu-chia.
D. Mi-an-ma và Việt Nam.

Câu 6: Điều kiện thuận lợi chủ yếu giúp các quốc gia Đông Nam Á phát triển mạnh công nghiệp thực phẩm là

A. Nguyên liệu dồi dào.
B. Lao động kĩ thuật cao.
C. Được đầu tư nguồn vốn lớn.
D. Được chuyển giao công nghệ.

Cho bảng số liệu sau trả lời từ câu 7 đến câu 9:

Số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch ở khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Số lượt khách du lịch đến *(triệu người)*	49,3	70,4	104,2	138,5
Doanh thu du lịch *(tỉ USD)*	33,8	68,5	108,5	147,6

Câu 7: Nhận xét nào sau đây không đúng về số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch ở khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2005 – 2019?

A. Số lượt khách du lịch đến Đông Nam Á tăng liên tục.

B. Doanh thu du lịch của khu vực Đông Nam Á tăng liên tục.

C. Tốc độ tăng lượt khách và doanh thu du lịch không ổn định.

D. Từ năm 2000 đến năm 2019, doanh thu từ du lịch tăng 4,3 lần.

Câu 8: Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch ở khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2000 – 2019 là

A. Biểu đồ cột. **B.** Biểu đồ tròn. **C.** Biểu đồ đường. **D.** Biểu đồ kết hợp.

Câu 9: Điều kiện quan trọng nhất để ngành du lịch khu vực Đông Nam Á phát triển là

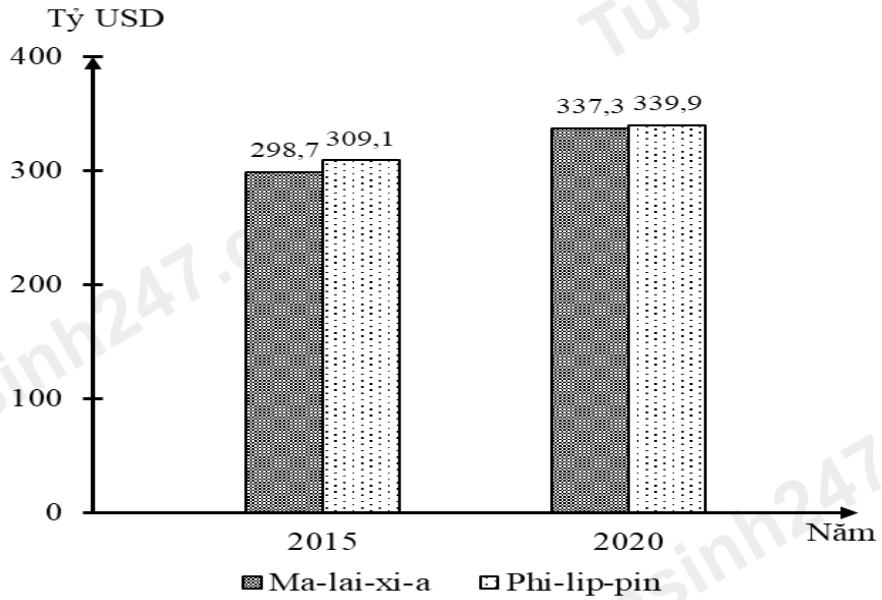
A. Giá thành du lịch rẻ.

B. Cơ sở vật chất – kĩ thuật rất phát triển.

C. Có tài nguyên du lịch phong phú, đặc sắc.

D. Ít chịu ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh,…

Câu 10: Cho biểu đồ:



TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA MA-LAI-XI-A VÀ PHI-LIP-PIN NĂM 2015 VÀ 2020

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin?

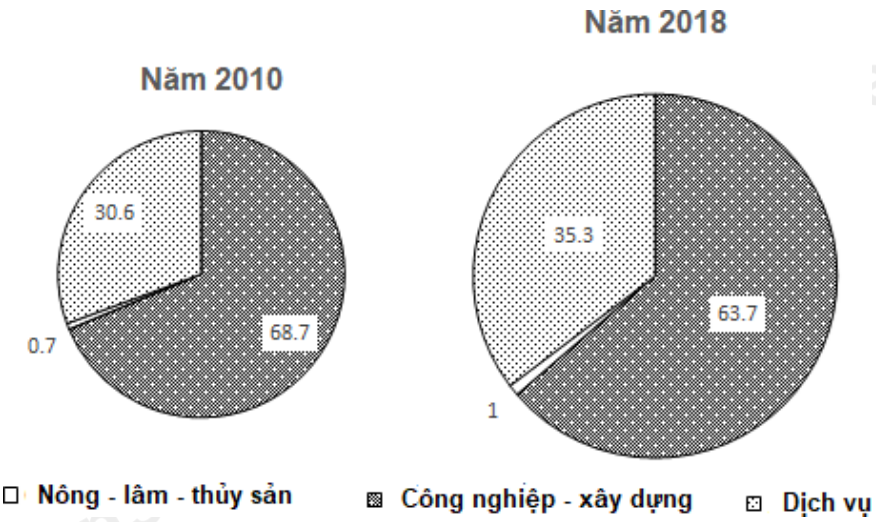
A. Ma-lai-xi-a luôn cao hơn Phi-lip-pin.

B. Phi-lip-pin luôn cao hơn Ma-lai-xi-a.

C. Ma-lai-xi-a tăng, Phi-lip-pin giảm.

D. Phi-lip-pin tăng, Ma-lai-xi-a giảm.

Câu 11: Cho biểu đồ:



SỰ THAY ĐỔI TỈ TRỌNG GDP PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ CỦA BRU-NÂY NĂM 2010 VÀ NĂM 2018

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)

Căn cứ biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng GDP phân theo ngành kinh tế của Bru-nây năm 2010 và năm 2018?

A. Nông - lâm - thủy sản giảm, dịch vụ tăng.

B. Công nghiệp - xây dựng giảm, dịch vụ giảm.

C. Công nghiệp - xây dựng tăng, dịch vụ tăng.

D. Nông - lâm - thủy sản tăng, dịch vụ tăng.

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Câu 1: Cho đoạn thông tin sau, hãy lựa chọn đúng/sai cho các ý a), b), c), d) sau:

Dịch vụ khu vực Đông Nam Á có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nhanh các hoạt động kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và bảo vệ môi trường. Ngành này phát triển với tốc độ khá nhanh, tỉ trọng đóng góp ngày càng cao trong cơ cấu GDP của khu vực (năm 2020 là 49,7%). Cơ cấu ngành dịch vụ ngày càng đa dạng. Hiện nay, nhiều nước đã đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng quy mô, ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng dịch vụ.

a) Cơ sở hạ tầng dịch vụ các nước Đông Nam Á phát triển tốp đầu thế giới.

b) Dịch vụ đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển kinh tế của tất cả các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

c) Đông Nam Á là một trong những điểm đến phổ biến của khách du lịch quốc tế.

d) Một số thành phố là trung tâm dịch vụ hàng đầu của khu vực và thế giới: Băng Cốc, Xin-ga-po, Cu-a-la-lăm-pơ, …

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Biết trị giá xuất khẩu của khu vực Đông Nam Á là 1676,3 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 1526,6 tỉ USD (năm 2020). Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của Đông Nam Á năm 2020 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

Câu 2: Biết doanh thu du lịch Đông Nam Á là 147,6 tỉ USD và số lượt khách du lịch đến là 138,5 triệu lượt người (2019). Hãy tính chi tiêu bình quân của lượt khách du lịch ở khu vực Đông Nam Á năm 2019 (làm tròn đến hàng đơn vị của USD/người).

Câu 3: Biết sản lượng cao su của thế giới năm 2020 là 14,0 triệu tấn, trong đó Đông Nam Á là 10,7 triệu tấn. Hãy tính tỉ trọng cao su của Đông Nam Á so với thế giới năm 2020 (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

Câu 4: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ SẢN LƯỢNG GẠO CỦA ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 2000 – 2020

Năm	2000	2005	2010	2020
Số dân *(triệu người)*	525,0	556,2	596,8	668,4
Sản lượng gạo *(triệu tấn)*	152,1	161,0	196,7	190,1

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tốc độ tăng trưởng bình quân sản lượng gạo theo đầu người của Đông Nam Á năm 2020 so với năm 2000 (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

HƯỚNG DẪN GIẢI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

1. C	2. B	3. B	4. B	5. B	6. A	7. C	8. D	9. C	10. B	11. D

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1:

a, b - Sai

c, d - Đúng

III. PHẦN TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: 150

Câu 2: 1066

Câu 3: 76,4

Câu 4: 98,2